ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7333 /QĐ-UBND	*Triệu Sơn, ngày 17 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo KT-KT công trình đường nối từ xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đi xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và UBND xã Dân Lực tại tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 08/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình đường nối từ xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đi xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa với nội dung sau:

1. Khái quát về công trình:

- Công trình đường nối từ xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đi xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 với tổng dự toán là **4.965.915.000 đồng**.

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	4.087.117.000 đ
- Chi phí QLDA	109.089.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	437.007.000 đ
- Chi phí khác	141.705.000 đ
- Chi phí dự phòng	190.997.000 đ

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện, ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

2.1. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Mố cầu M1 nằm dưới đường dây điện trung thế nên không có vị trí đặt máy để đóng cọc. Do đó cần thay đổi biện pháp thi công từ đóng cọc sang ép cọc.

- Một số đoạn tuyến nền đất yếu cần phải bóc lớp đất yếu để đảm bảo an toàn cho kết cấu áo đường.

- Đoạn từ Km0+216 đến Km0+266 có ao sâu bên trái tuyến, để đảm bảo ổn định cho nền đường cần có tường chắn chống sạt lở mái taluy.

- Một số vị trí cống cũ đã hư hỏng nên cần thay mới.

2.2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

- Thay đổi biện pháp thi công từ đóng cọc sang ép cọc.

- Đoạn từ Km0+395.04÷ Km0+415.04; Km0+640.48 ÷ Km0+655.48 và Km0+802.40 ÷ Km0+822.40 bóc bỏ lớp đất yếu với chiều dày trung bình 50cm, thay bằng lớp đất đồi đầm chặt K95.

- Bổ sung tường chắn đất đoạn từ Km0+216 đến Km0+266. Kết cấu tườn chắn như sau: Đáy tường chắn bằng BTXM đá 1x2 M200 dày 30cm dưới bê tông lót đá 4x6 M100, thành tường chắn mặt cắt ngang hình thang kích thước axb=0,3x0,6m cao 1,8m (đoạn 1, đoạn 2, đoạn 3) và cao 1,5m (đoạn 4). Làm tầng lọc nước bằng đá 1x2 sát chân tường chắn, cứ 1,0m bố trí 01 ống thoát nước D32 thoát nước từ tầng lọc ra phía ngoài.

- Hoành triệt cống cũ, hoàn trả mới lại các cống qua đường ngang tại các vị trí: Km0+405.04 (phía trái tuyến); Km0+507.88 (phía trái tuyến); Km0+596.48 (phía phải tuyến); Km0+744.74 (phía trái tuyến); Km0+792.40 (phía trái tuyến); Km0+825.68 (phía phải tuyến) và Km0+265. Các cống được thiết kế cống tròn BTLT D300.

- Giảm trừ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính về Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

2.3. Dự toán điều chỉnh:

- Giá trị dự toán bổ sung là: 175.873.000đ.
- Giảm trừ giá trị dự phòng là: 175.873.000đ.
- Tổng dự toán sau điều chỉnh là: **4.965.915.000đ**

(Bốn tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	4.292.984.000 đ
- Chi phí QLDA	114.584.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	450.681.000 đ
- Chi phí khác	92.543.000 đ
- Chi phí dự phòng	15.123.000 đ

(Có biểu chi tiết kèm theo)

3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đường nối từ xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn đi xã Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa.

Điều 2: UBND xã Dân Lực có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc huyện; Chủ tịch UBND xã Dân Lực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

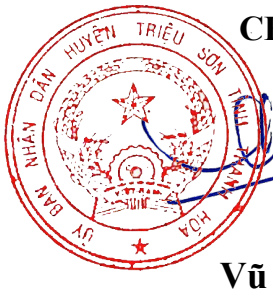

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG NỐI TỪ XÃ DÂN LỰC, HUYỆN TRIỆU SƠN ĐI XÃ THIỆU HÒA, HUYỆN THIỆU HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Theo Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 06/02/2020	Bổ sung	Tổng dự toán điều chỉnh
I	**Chi phí xây dựng**	**4.087.117.000**	**205.867.000**	**4.292.984.000**
1	Cầu Phúc Hải	2.074.235.000	33.643.000	2.107.878.000
2	Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	2.012.882.000	172.224.000	2.185.106.000
II	**Chi phí quản lý dự án**	**109.088.868**	**5.494.777**	**114.583.645**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**437.007.400**	**13.673.686**	**450.681.086**
1	Khảo sát	137.667.000		137.667.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	140.555.904	7.079.766	147.635.671
3	Thẩm tra thiết kế BVTC	6.948.099		6.948.099
4	Thẩm tra dự toán	6.784.614		6.784.614
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	14.141.425		14.141.425
6	Giám sát thi công xây dựng	130.910.358	6.593.920	137.504.278
IV	**Chi phí khác**	**141.704.619**	**-49.162.000**	**92.542.619**
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	471.762		471.762
2	Bảo hiểm công trình	26.157.549		26.157.549
3	Thẩm định HSMT	2.043.559		2.043.559
4	Thẩm định kết quả LCNT	2.043.559		2.043.559
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	23.588.094	-9.435.000	14.153.094
6	Kiểm toán	87.400.097	-39.727.000	47.673.097
V	**Chi phí dự phòng**	**190.996.715**		**15.123.252**
	Tổng cộng	**4.965.914.602**	**175.873.464**	**4.965.914.602**
	Làm tròn	**4.965.915.000**	**175.873.000**	**4.965.915.000**

Bằng chữ: (Bốn tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm mười lăm nghìn đồng ./.)